

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **18/2022/DS-ST**.

Ngày: 15/3/2022.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thái.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Minh C**, sinh năm 1952 (có mặt)

HKTT: ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện HĐ, tỉnh KG..

Địa chỉ: ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện HĐ, tỉnh KG.

Bị đơn: Ông **Lê Quốc C1**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện HĐ, tỉnh KG..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Vũ Thị Ngọc L**, sinh năm 1982 (Vợ ông C1 - vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Linh Huỳnh, xã Linh Huỳnh, huyện HĐ, tỉnh KG..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Minh C trình bày như sau:*

Vào ngày 02/9/2019 âm lịch (30/9/2019 DL) ông Lê Minh C có cho ông Lê Quốc C1 vay số tiền là 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 8%/tháng, việc vay tiền hai bên có lập biên nhận tay đề ngày 02/9/2019, thời hạn vay là 02 tháng (02/11/2019). Đến ngày 09/9/2019 AL ông C1 vay thêm số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng hai lần vay là 20.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông C1 có trả cho ông 02 lần tiền lãi 3.200.000đồng, sau nhiều lần yêu cầu ông C1 trả nợ khi đến thời hạn thì ông C1 có trả thêm được 3.000.000đồng tiền lãi trả rồi từ đó ông C1 không trả tiền nữa cho đến nay.

Tại phiên tòa, ông Lê Minh C khởi kiện yêu cầu ông Lê Quốc C1 phải trả cho ông số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/10/2019 đến ngày 07/4/2021 là 18 tháng với mức lãi suất 1,6%/tháng thành tiền là: 5.760.000đồng, tổng cộng gốc và lãi là 25.760.000đồng.

** Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 06/01/2022 bị đơn ông Lê Quốc C1 trình bày như sau:*

Ông Lê Quốc C1 thừa nhận vào ngày 02/9/2019 ông có vay của ông Lê Minh C số tiền là 15.000.000 đồng, lãi suất phải đóng mỗi tháng là 1.200.000 đồng/15 triệu, thời hạn trả nợ là 02/11/2019. Sau khi vay ông C1 có trả cho ông C số tiền gốc là 3.000.000 đồng, còn tiền lãi thì ông C1 đóng hàng tháng đầy đủ, số tiền lãi đã đóng không nhớ là bao nhiêu và không có văn bản gì chứng minh. Số tiền vay của ông C, ông C1 sử dụng để làm ăn nhưng không có hiệu quả nên chưa trả được cho ông C. Ngoài số tiền trên thì ông C1 không còn vay thêm của ông C lần nào khác.

** Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 06/01/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ngọc L trình bày như sau:*

Bà Vũ Thị Ngọc L là vợ của ông Lê Quốc C1. Việc ông C1 vay tiền của ông C như thế nào bà hoàn toàn không biết, đến khi Tòa án đến nhà giao giấy mời thì bà mới biết được việc này, bà L có hỏi thì ông C1 nói có mượn tiền của ông C mà đã trả được 3.000.000 đồng rồi, sau đó sự việc như thế nào thì bà không rõ. Nay ông C khởi

kiện yêu cầu ông C1 trả số tiền 20.000.000 đồng và tiền lãi thì bà không có ý kiến gì, ông C1 mượn tiền như thế nào thì tự giải quyết.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thẩm phán vẫn còn để vụ án kéo dài thời hạn xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn ông Lê Quốc C1 phải trả cho ông Lê Minh C số tiền vay còn nợ gốc là 20.000.000 đồng và lãi là 5.760.000đồng, tổng cộng gốc và lãi là 25.760.000đồng. Sau khi trừ số tiền mà ông C đã nhận từ ông C1 là 6.200.000đồng thì buộc ông C1 phải trả số tiền 19.560.000đồng. Đồng thời buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện ông Lê Minh C khởi kiện yêu cầu ông Lê Quốc C1 phải trả số tiền vay còn nợ gốc và lãi là 25.760.000 đồng. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn ông Lê Quốc C1 cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Lê Quốc C1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng

vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C1 và bà L.

[3] *Về nội dung vụ án:* Qua lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định như sau: Vào ngày 02/9/2019 ông Lê Quốc C1 có vay của ông Lê Minh C số tiền là 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 tháng, lãi suất các bên thỏa thuận là 8%/tháng. Việc vay tiền hai bên có viết biên nhận cùng ngày, ông C1 ký tên và ghi họ tên. Đến ngày 9/9/2019 ông C1 tiếp tục vay thêm số tiền 5.000.000 đồng, ông C1 ghi tiếp vào tờ biên nhận ngày 02/9/2019 và ký tên, ghi họ tên. Hết thời hạn 2 tháng như thỏa thuận ông C có đến yêu cầu ông C1 trả gốc và lãi nhiều lần nhưng ông C1 cứ hẹn mà không trả. Do đó ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C1 phải trả cho ông số tiền vay còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 25.760.000 đồng (trong đó gốc 20.000.000 đồng, lãi 5.760.000 đồng).

Xét yêu cầu khởi kiện của ông C, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy vay tiền đề ngày 02/9/2019 mà ông C cung cấp cho Tòa án cho thấy việc ông C1 có vay của ông C số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 02/9/2019 và 5.000.000 đồng vào ngày 9/9/2019, ông C1 viết và ký tên, ghi họ tên.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C1 biết nhưng ông C1 không đến Tòa án làm việc. Đến ngày 06/01/2022 cán bộ Tòa án đến nhà riêng và ghi nhận được lời khai của ông C1. Theo lời khai ông C1 thừa nhận có vay của ông C số tiền là 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 tháng, lãi suất mỗi tháng phải đóng là 1.200.000 đồng. Năm 2021 ông đã trả được 3.000.000 đồng tiền gốc, còn lãi thì đóng đủ hàng tháng, nhưng việc trả tiền và đóng lãi không có văn bản giấy tờ gì để chứng minh.

Như vậy có cơ sở để xác định việc ông C1 có vay tiền và còn nợ tiền của ông C là đúng sự thật. Việc thỏa thuận vay tiền giữa các bên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Bên cho vay là ông C đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao tài sản cho ông C1. Tuy nhiên khi đến hạn trả thì bên vay lại không thực hiện đúng nghĩa vụ trả gốc và lãi cho ông C1.

Tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn*

trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Từ những cơ sở nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để được chấp nhận. Do đó buộc anh Lê Quốc C1 phải trả cho ông Lê Minh C số tiền gốc còn nợ là 20.000.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/01/2022 ông C1 cho rằng ông chỉ vay của ông C số tiền là 15.000.000 đồng nhưng nhận làm 2 lần, lần đầu 10.000.000 đồng vào ngày 02/9/2019, ông đã ký tên và ghi họ tên, lần hai nhận 5.000.000 đồng vào ngày 9/9/2019 nhưng do ông C yêu cầu ký tên, ghi họ tên 1 lần nữa nên ông mới viết, ký và ghi họ tên, thật sự ông chỉ vay của ông C một lần. Xét lời trình bày của bị đơn ông Lê Quốc C1, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ; ông C1 là người đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có lý do nào để cho rằng ông chỉ nhận tiền 1 lần mà ký nhận 2 lần, việc này không phù hợp với thực tế khách quan của vụ việc.

Xét yêu cầu tính lãi của ông C: Khi vay hai bên tự thỏa thuận lãi suất là 8%/tháng, khi đến hạn trả nợ ông C1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Ông C1 cho rằng mình có đóng lãi và trả gốc nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó việc ông C yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,6%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông C chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 07/10/2019 đến ngày 07/4/2021; ông cũng đồng ý trừ đi số tiền lãi mà ông đã nhận của ông C1 là 6.200.000đồng. Như vậy, thời gian tính lãi suất như sau:

Tính từ ngày 07/10/2019 đến ngày 07/4/2021 là 18 tháng: $20.000.000\text{đồng} \times 1,6\% \times 18 \text{ tháng} = 5.760.000\text{đồng}$.

Tổng cộng gốc và lãi ông C1 phải trả là 25.760.000đồng trừ đi số tiền 6.200.000đồng mà ông C đã nhận thì ông C1 còn phải trả cho ông C số tiền 19.560.000đồng.

Từ những cơ sở nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để được chấp nhận. Buộc ông Lê Quốc C1 phải trả cho ông Lê Minh C số tiền còn nợ là 19.560.000đồng.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ngọc L: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay ông Lê Minh C thống nhất chỉ khởi kiện yêu cầu ông Lê Quốc C1 phải trả nợ cho ông mà không yêu cầu bà Vũ Thị Ngọc L phải liên đới cùng trả nợ với ông C1. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Minh C.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Lê Quốc C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 978.000 đồng (19.560.000 đồng x 5%).

Ông Lê Minh C là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông C thuộc trường không phải nộp tiền tạm ứng án phí. Do đó, Hội đồng xét xử không xử lý tiền tạm ứng án phí trong trường hợp này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh C.

Buộc ông Lê Quốc C1 phải trả cho ông Lê Minh C số tiền vay còn nợ là 19.560.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí DSST: Buộc ông Lê Quốc C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 978.000đồng.

3/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hồng Diệp